

TANG MA CỦA NGƯỜI NÙNG PHÀN SLINH (Nghiên cứu trường hợp xóm Ba Đình, xã Tân Long, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên)

NGUYỄN ANH TUẤN

1. Đặt vấn đề

Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, tộc người Nùng ở nước ta có 856.412 người, gồm nhiều nhóm như Nùng Phàn Slinh, Nùng Cháo, Nùng Lòi... phân bố chủ yếu ở các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên... Riêng xã Tân Long, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã có 4.370 người Nùng thuộc nhóm Phàn Slinh, cư trú tập trung tại xóm Ba Đình với trên 180 hộ vào năm 2008. Hiện nay, tuy có thay đổi về đời sống kinh tế, xã hội nhưng do có kết cộng đồng cao nên người Nùng nơi đây vẫn còn duy trì nhiều yếu tố văn hóa truyền thống, chẳng hạn như lễ tang ma được đề cập ở bài viết này.

Tang ma Nùng Phàn Slinh là tổng hợp các quy tắc ứng xử mang tính nhân văn của gia đình, cộng đồng dành cho người chết, chứa đựng thông tin có giá trị về lịch sử và văn hóa tộc người, song cho đến nay vẫn chưa được nhận diện đầy đủ. Ở một số công trình, vấn đề được trình bày còn tóm lược, chưa cụ thể hóa thành tiêu mục riêng như các tác giả Tuấn Quỳnh (1968); Lã Văn Lô, Hà Văn Thư (1984); Bé Viết Đăng và cộng sự (1992); Hoàng Nam (1992)... Một số công trình khác đã trình bày tang ma thành tiêu mục độc lập nhưng chưa tách bạch giữa các tộc người Nùng, Tày và Thái như các tác giả Hoàng Quyết và cộng sự (1993); Đỗ Thúy Bình (1994)... Bên cạnh đó, có một số

chuyên khảo về đời sống tín ngưỡng người Nùng của các tác giả Ma Tiến Dũng (1980), Nguyễn Kim Tường (1999), Nguyễn Thị Ngân (2002)... nhưng vẫn chưa bàn luận sâu về tang ma của nhóm Nùng Phàn Slinh.

2. Nghi lễ tang ma của người Nùng Phàn Slinh

2.1. Ba tiền đề của tang ma Nùng Phàn Slinh

2.1.1. Quan niệm về linh hồn

Người Nùng Phàn Slinh tin rằng mọi vật đều có hồn (*khoán*). Ở người, đàn ông có 3 hồn 7 vía, đàn bà có 3 hồn 9 vía. Vía nhẹ hơn hồn và mất đi khi người ta chết, hồn thì bất tử. Hồn có sự phân biệt: chỉ 1 hồn chủ, quyết định việc tử sinh; 2 hồn còn lại nếu bị tổn thương có thể bị ốm đau nhưng không dẫn đến chết. Hồn chủ nằm ở xoáy tóc tại đỉnh đầu, 2 hồn phụ ở dưới nách. Khi chết, hồn phân ra 3 phần: 1 lên thiên đường, 1 ở lại bãi tha ma, 1 nhập vào bàn thờ tổ tiên. Theo người Nùng xóm Ba Đình, mỗi người có 3 hồn là do kết hợp ba yếu tố vô hình: tinh, khí, thần. Tinh là *tinh anh* để có sự hiểu biết; khí là *linh khí*, tạo ra khí lực cho các bộ phận cơ thể hoạt động bình thường; thần là *thần thái*, nhuộm màu nhuộm sắc sự sống.

2.1.2. Quan niệm về cõi sống và cõi chết

Theo người Nùng Phàn Slinh, vũ trụ chia ra 3 mường: mường trời là thế giới của

các thần tiên, mừng người sống ở mặt đất và mừng âm trong lòng đất của những người lùn bằng chiếc bình vôi. Vũ trụ có chỗ tận cùng gọi là “*fạ slút nặm tằng*” ở đó nước biển tự dâng lên trời với những con chim khổng lồ chín đầu chín đuôi. Những linh hồn nhân hậu khi siêu thoát sẽ thăng lên mừng trời, nơi chỉ vui chơi chờ ngày đầu thai trở lại trần thế. Những hồn có tội lỗi phải trả nợ dưới mừng âm tại Thập điện Diêm Vương lầu, bị quỷ sứ khảo tra, dùng cực hình để trả nợ dương thế, mãn hạn mới được siêu thoát, đầu thai. Theo người Nùng Phàn Slinh, tội lỗi mà họ phạm khi còn sống có thể đẩy voi nhờ sự cầu xin của các thầy Tào qua các nghi lễ tang ma. Do vậy, tang ma rất có ý nghĩa đối với đời sống tinh thần của họ.

2.1.3. Quan niệm về phi

“Phi” được hiểu là ma, thường mang lại những điều phúc hay bất hạnh. Người Nùng Phàn Slinh dùng “phi” không chỉ nói về ma mà biểu đạt cả thế giới siêu linh với nhiều loại như: *phi pẩu pú* (ma tổ tiên), *phi pá* (ma rừng), *phi hang chán* (ma nhà sàn)... Phi không phải hồn người sống (*khoấn*) mà nhiều nghĩa, như *phi hang chán* được coi vị thần phù hộ thờ ở sân phơi nhà sàn. Đây vốn là thần thổ địa xưa của người Nùng cùng di cư từ Châu Vạn Thành Trung Quốc sang Việt Nam. Do ở xóm Ba Đình xã Tân Long đã có thổ địa nên đồng bào thờ phi này ở ngoài sân nhà để bảo vệ người và gia súc. Cũng là ma bảo vệ nhưng *phi pẩu pú* lại là một phần *khoấn* của tổ tiên nhập vào bàn thờ gia đình để phù hộ con cháu. Phi có thể phù hộ con người nhưng đáng quan tâm là phi ác với khả năng gây hại như *phi lấc hồn* (ma cô hồn), *phi cáy* (ma gà)... Sự phân chia thành phi lành và dữ không có ranh giới tuyệt đối, ngay cả phi lành vẫn có khả năng tạo ra bất

hạnh nếu người sống phạm lỗi, như *phi pẩu pú* sẽ hành hạ kẻ lơ là trách nhiệm thờ cúng tổ tiên. Như vậy, phi có nhiều loại và người Nùng ở đây có cách ứng xử khác nhau đối với từng loại: thờ cúng hay xua đuổi.

2.2. Nghi lễ tang ma

2.2.1. Quy tắc ứng xử của gia đình và cộng đồng khi có tang

2.2.1.1. Quy tắc ứng xử gia đình

Theo người Nùng ở xóm Ba Đình, người già sống thọ là phúc lộc cho gia đình, niềm tự hào với làng xóm. Người thân lâm bệnh, con cháu hết lòng cứu chữa tới khi “*slút chua mạy, đày chua cần*” là lúc qua đời mới thôi. Tâm nguyện, di chúc của người quá cố thiêng liêng nên con cháu dốc sức hoàn thành. Khi nhà có người qua đời, con cháu gửi thông điệp đến cộng đồng bằng cách bắn 3 phát súng. Từ năm 1998, thay vì bắn súng, trưởng nam tới nhà Trùm phường báo tin để ông ta đánh 3 tiếng trống. Những người còn lại trong tang quyển chuẩn bị cho tang lễ: khăn lau, nước lá thơm, thực phẩm cúng tế... Người chết phải mặc trang phục truyền thống để tổ tiên nhận diện, đón đi cùng, để linh hồn dễ siêu thoát. Trưởng nam bỏ vào miệng người chết 1 đồng bạc, phủ lên thi thể 1 tấm khăn trắng. Tang quyển cất đi một góc chiếu và 1 góc màn nơi đặt người chết nằm, rồi cử người sắp lễ đi mời thầy Tào¹, thường là một trưởng bối biết ăn nói và một cháu trai của người chết. Thầy Tào trong tộc họ được ưu tiên, bởi vì thầy cùng họ tộc sẽ thông hiểu hơn về cách cúng đưa hồn người chết lên trời. Người cháu đến sân

¹ Đám ma Nùng ở đây do 1 thầy Tào cả, gọi là *Lạo slay* chủ trì một đoàn 3 - 7 thầy hành lễ. Cấp bậc thầy Tào xếp theo số đèn tân phong: *Chấn linh* (3 đèn), *Mù linh* (7 đèn), *Hạc linh* (9 đèn) và *Hà linh* (12 đèn).

nhà thầy Tào, cầm 3 thẻ hương, dâng 3 nén vàng mã, im lặng quỳ trước cửa. Thầy nhìn thấy sẽ tự hiểu, nếu nhận lời đi làm ma thì ra cắt 1 nhúm tóc và buộc 1 sợi chỉ lên đầu anh ta, mời người đó lên cầu thang vào nhà. Trước khi triệu tập đoàn thầy cùng đi làm ma, thầy Tào chủ lễ phải: chụp một mảnh vải đỏ hoặc giấy đỏ lên một chén hay bát không; thắp một đèn dầu cháy lửa nhỏ trên bàn thờ tổ tiên, xin với tổ tiên được đi làm việc hiếu. Việc chụp vải hay giấy đỏ lên bát hoặc chén được thầy Tào Vi Văn Căn (72 tuổi - cấp *Hà Linh*) giải thích rằng để lưu một phần âm binh ở lại canh nhà khi ông ra ngoài làm việc.

Tại nhà có tang, con cháu chuẩn bị mâm cơm cúng gồm 1 con gà sống không cắt tiết mà bầm cổ chết, để nguyên lông mỏ, mỏ bỏ nội tạng và 1 con gà luộc, 1 bát cơm tẻ, 1 bát cơm nếp trên để 1 quả trứng, cắm bên 1 đôi đũa bông, đèn dầu 1 ngọn. Có ý kiến cho rằng xôi, trứng là thức ăn cúng linh hồn người chết, đũa bông là vật linh nghiệm để trừ loại ma cũ đến tranh ăn (Nguyễn Thị Ngân, 2002, tr. 41). Qua nghiên cứu, lễ vật đó biểu tượng ước vọng của người sống cho linh hồn người chết sớm siêu thoát và tái sinh. Quả trứng biểu trưng mầm phôi thai đặt trên bát cơm xoay như thế giới toàn vẹn là nơi tới của linh hồn, đôi đũa bông thể hiện âm dương của thế giới giao hoà. Đó là cách giải thích của thầy Tào Vi Văn Căn khi đến làm ma cho bà Hoàng Thị Sìn chết vào tháng 3/2008, thọ 74 tuổi. Cách lý giải này rất có lý, bởi phù hợp với quan niệm về cõi sống và chết của người Nùng Phàn Slinh tại xóm Ba Đình.

Khi đoàn thầy Tào đến, tang quyến đón họ ở sân nhà, dâng 6 chén rượu. Thầy chủ rót 1 chén xuống đất xin Thổ công được

mang âm binh nhập gia. Đoàn thầy gồm 5 người cùng uống cạn chén và nhận giao kèo làm đám hiếu. Sau đó, đoàn thầy nghị bàn với tang chủ, trùm phường về cách tổ chức tang, định giờ ra ma, chỗ đất đào huyệt... Họ đánh dấu sự xuất hiện chính thức, đưa đoàn âm binh nhập gia khởi sự hành lễ bằng việc lập bàn thờ Thánh với lễ "*Cầu hồ sùng kính*" theo 2 hướng: Đông và Bắc². Lễ này để nhận ra bởi thầy Tào cắt tóc và buộc chỉ trên đầu từng người tang quyến; đeo dao cho các con trai để canh linh cửu.

2.2.1.2. Quy tắc ứng xử cộng đồng

Khi một gia đình có đám là "*Bản tẩu mà hưa, bản nưa mà chọi*" tức làng dưới lên giúp, làng trên xuống đỡ. Cộng đồng người Nùng Phàn Slinh ở đây từ lâu đã lập ra *hàng phường* nhằm giúp đỡ nhau trong tang ma, chịu sự điều hành bởi một Trùm trưởng và một Trùm phó, bầu luân phiên theo 1 hoặc 3 đám hiếu khác nhau tùy từng làng. Các hộ gia đình thuộc hàng phường khi nghe 3 tiếng trống hiệu phải cử 1 người 18 tuổi trở lên đến tập trung tại nhà Trùm phường. Trường hợp không có mặt tại xóm thì khi biết tin phải đến nhà tang chủ ngay. Những người đầu tiên có mặt được xếp thành các tổ: chặt cây, đốn gỗ, sửa chữa nhà, bắc cầu thang, dựng bạt, căng lều, xếp chỗ nấu nướng cho tang ma. Trùm phường hội ý với tang quyến và thầy Tào để thống nhất số lượng khách đến dự tang lễ, kiểm quan tài, số dê và lợn cần mổ, số ngày làm ma, ngày giờ đào huyệt cùng các yêu cầu khác của tang chủ. Sau đó, toàn bộ việc chuẩn bị tang ma do hàng phường đảm nhiệm.

² Hướng Đông là hướng của mặt trời mọc, của ánh sáng nên biểu trưng cho sự sống, sự tái sinh; hướng Tây biểu đạt cho cái chết, mặt trời lặn, tử khí, nghĩa địa. Chính vì thế, thầy Tào nói: "*Đông sinh Tây miệt*" (diệt).

2.2.2. Các lễ nghi trong quá trình làm ma

Đến nay, các lễ nghi trong đám ma bình thường của người Nùng Phần Slinh ở xóm Ba Đình còn bảo lưu các giá trị truyền thống với 18 tiết lễ. Tang ma những đôi tượng đặc biệt có số tiết lễ nhiều hoặc ít tùy từng trường hợp. Sự cầu kỳ của đám ma phụ thuộc 2 yếu tố: tuổi thọ; số con cháu và họ hàng dự đám. Theo người Nùng ở đây, linh hồn ví như chu trình sinh trưởng thực vật: từ hạt nảy mầm trở thành cây cỏ thụ. Tuổi thọ quy chiếu theo độ cứng cáp của linh hồn: tuổi càng cao tang ma càng phức tạp và nhiều khánh tiết. Với trẻ em (*Thảo linh - Thảo linh hồn*), làm ma đơn giản, chỉ thắp hương cúng cơm, rồi bỏ thi thể vào quách cho hàng phường bí mật đem đi chôn trong đêm ở nghĩa địa trẻ con và có thêm lễ yểm không cho hồn đưa trẻ đầu thai trở lại gia đình. Trong khi đám ma ông Phạm Văn Nha (72 tuổi) và bà Hoàng Thị Sìn (74 tuổi) thuộc cấp *Khi Linh (Khi linh hồn)* phải mời đoàn thầy Tào 5 người đến làm đủ 18 tiết lễ mới đưa được hồn lên trời, dưới đây là từng tiết lễ cụ thể.

2.2.2.1. Lễ kiểm liệm thi hài (*Kiểm nậu sy hài*), lấy nước (*Pay âu nặm*)

Thầy Tào đặt một nhúm bông trước mũi người quá cố để kiểm tra thi thể còn thở hay không, nếu dứt hơi thở coi như linh hồn chủ đã rời thể xác. Thầy Tào khẩn báo tổ tiên gia chủ lý do đến làm ma, khua thanh la, não bạt rằng đoàn thầy đang ở đây bảo vệ linh hồn người chết. Một thầy Tào phụ dẫn con cháu ra suối, cúng tiền Long Vương xin nước về rửa mặt cho người quá cố. Trưởng nam lấy vốc nước đầu tiên rồi họ lấy nước lần lượt theo thứ bậc. Các chị gái, dâu

trưởng mang chum nước về trong một vũng dây màu chàm để rửa mặt người chết.

2.2.2.2. Lễ liệm và nhập quan (*Khẩu mạy*)

Thầy Tào xem người quá cố chết vào ngày, giờ độc không mà làm lễ giải, yểm ở quan tài để tránh trùng tang. Sau đó lễ nghi bắt đầu bằng bài cúng "*Sái chuong*", hiệu triệu âm binh bảo vệ việc thu hồn vía người chết nhập quan. Thầy Tào nhảy, hú gọi trong nhịp điệu thúc giục của thanh la, não bạt, tay trái cầm cây "*tào phan*" (phát trần vải đỏ) lệnh cho âm binh hành động, tay phải cầm bút vẽ trong không khí hình nhân. Việc này diễn ra 3 lần nhưng ở lần thứ 2 thầy vẽ nội tạng người chết, lần cuối vẽ hình biểu trưng cho linh hồn. Khi hoàn thành việc thu hồn vía, thầy Tào dùng phát trần viết chữ "*Phong*", tức đóng lên trên ván thiên. Ở lễ này, thầy Tào còn quàn xác, xúc tro vôi vào quan tài cho người quá cố bằng kiếm lệnh. Tuy cấp độ linh hồn người chết mà thầy Tào có số lần xúc vật liệu nhiều ít khác nhau nhưng nhất thiết đủ 10 lần đầu biểu đạt 10 nghiệp lành cho gia chủ và linh hồn: chúc gia chủ có tro vôi phú quý, vinh hoa, hưng chấn gia tài, lục súc³, an ninh hoà thuận, ngũ cốc đầy kho; chúc cho linh hồn ra đi hưng phấn, siêu thoát, thiên niên nghìn tuổi, được muôn vạn người đến viếng. Ở đám ma bà Hoàng Thị Sìn (*Hy linh hồn*), thầy xúc 10 kiếm tro vôi ứng với 10 tuổi đầu tiên, sau đó làm tượng trưng cứ 10 tuổi là 1 lần xúc kiếm đến tuổi 70, đếm số lẻ còn lại: 71, 72, 73, 74 mỗi số một lần xúc kiếm tro, vôi, chè, bông.

Khi khai mở quan tài và nhập linh cữu, thầy Tào chủ cầm "*slán cãn*" (lệnh bài gỗ to dài 1m) gõ ba tiếng trầm đục vào quan tài.

³ Lục súc: có nhiều gia súc khoẻ mạnh, béo tốt.

Con cháu theo đó nâng thi thể người chết lên xuống 3 lần rồi đặt vào áo quan (*khẩu mạy*) để hồn không biết đường về. Đầu người chết phải đặt theo hướng Đông. Con cháu dùng 3 đoạn vải trắng buộc ngang các bộ phận thi thể: cổ, bụng và cổ chân⁴. Thầy Tào khai quang nhãn, đả thông thất khiếu, ngũ quan cho người chết để hồn thấy đường đi cùng tổ tiên, bằng cách đặt đồng xu lần lượt lên mắt trái, mắt phải, lỗ mũi, hai lỗ tai, sau cùng bỏ đồng tiền vào miệng, nhét vào tay người chết vài tờ tiền giấy. Thầy Tào yếm bùa giấy vách trong hai thành quan tài, rồi lệnh cho hàng phường chốt áo quan, ngâm nước phun lên bốn góc quan tài, vung kiếm lệnh chi, đọc thần chú để phong ấn, không cho linh hồn thoát ra. Con gà bị bầm cổ chết buộc lên trên ván thiên (phần chân người chết) để vừa đưa đường cho linh hồn người chết, vừa là chốt phong ấn, được chôn đi cùng quan tài. Những người có gia thất và con cháu thì gà được mổ bụng.

2.2.2.3. Lễ tế đầu (*Tể tầu phán*) và phát tang ăn chay (*Cấp háo*)

Tế đầu là lễ dâng cơm đầu tiên cho người chết với đầy đủ các quy tắc mời cơm do thầy Tào đảm nhận qua bài khấn “*Chầu sực*” nghĩa là chú thực với đại ý: con cháu có lễ vật phụng thỉnh tam hồn thất phách về ăn cơm... Thầy Tào làm phép khai thông yết hầu, đả thông các giác quan, thỉnh mời đến các vị: Quan thể luyện chân quân, Thiên tôn thánh hiệu đại thánh, Hắc diện quan đại vi... đến tẩy rửa gan óc, tưới nước cam lồ, thanh

⁴ Người Kinh (Quảng Trị) xưa khâm liệm người chết, bọc quan thi thể rọ hay lưới bên ngoài thi thể trước khi cho xác chết vào quan tài (quần hạ) ý tránh bị trùng tang, người chết về làm hại. Người ta phải giam phải trói (thi thể) như trói một con thú dữ ngõ hầu không thể quậy cựa làm hại được người (Leopold Cadere, 1997, tr. 250).

tâm tịnh trí cho linh hồn để hưởng lộc con cháu dâng, an lòng về tiên giới.

Cấp háo là lễ phát tang. Theo người Nùng Phần Slinh, tang cha mẹ là đại tang: *Dáo pỏ dáo mẽ dáo slam pi, dáo pi sáo noọng, dáo slác sli tẻ quá*, tức tang cha tang mẹ tang ba năm, tang anh tang em chỉ có nhất thời rồi thôi. Thầy Tào chủ làm văn tự ghi tên từng người sẽ chịu tang, khấn báo tổ tiên người chết biết; một thầy khác phát khăn tang và tang phục cho thân quyến. Qua tham dự từ ngày 12/3/2008, suốt đám tang bà Hoàng Thị Sin, con cháu không được trang điểm, cởi bỏ tang phục, cạo râu, tắm rửa... Sau đám tang, họ phải đội khăn ba tháng đến một năm thể hiện sự tiếc thương người quá cố. Thọ tang truyền thống, con cháu phải ăn chay, chỉ các thế hệ sau 3 đời mới được miễn.

2.2.2.4. Lễ đốt đèn (*Têm tung*) và trao nhà táng

Mục đích đốt đèn là thắp sáng nhà cho linh hồn khi từ biệt cõi trần. Đèn còn tượng trưng cho 3 hồn của người chết và sự chứng giám của tổ tiên. Vào lễ, con cháu ngừng khóc than, thầy Tào đốt 9 ngọn đèn bằng bài “*Têm tung*”. Đích thân thầy chủ cầm cây hương tẩm dầu đang cháy thắp đèn chủ trên ván thiên, các đèn hồn và những đèn khác (1 đèn phúc lộc, 5 đèn làm vui) theo vòng từ Đông sang Tây. Đèn chủ là nến đại, thắp liên tục đến lúc hạ huyệt, chôn đi cùng quan tài. Đèn phúc lộc sau khi ra ma, thầy Tào giao lại cho dâu trưởng, thờ trên bàn thờ người chết trong 100 ngày.

Nhà táng khung tre, trang trí từ giấy màu với nhiều họa tiết. Nhà này phân biệt từng đối tượng, người chết tuy có gia đình nhưng không “*Thụ linh hồn*” tức 60 tuổi, nhà

đó chỉ 1 mái, 1 chái; nếu trên 60 tuổi có hiếu nam, hiếu tôn thì nhà táng có 1 mái 2 chái, có hiếu điệt phải 1 mái 3 chái. Những người không có con thì không có nhà táng. Thầy Tào thay mặt con cái chụp nhà táng lên quan tài dâng tặng cha mẹ vì khi sống do nhà nghèo không có nhà đẹp cho cha mẹ ở, nay cha mẹ chết đi con cháu dâng tặng nhà này để tỏ lòng hiếu thuận.

2.2.2.5. Lễ đón ông tổ bà tổ (*Tằng chỗ*) và chọn đất đào huyệt (*Au tìm mộ*)

Lễ *Tằng chỗ* ở ngoài trời, các cháu gái bên nội làm một cái kiệu từ giấy để đón ông bà tổ về. Chiếc kiệu cao 0,5m, giống ngai vàng có tán che hơn là kiệu. *Tằng chỗ* xưa cúng lễ khoảng 3 - 5 tiếng nhưng nay rút gọn phần mo còn 30 phút. Hướng hành lễ và đặt chiếc kiệu phải hướng Bắc, bất kể hướng nhà tang chủ. Thầy Tào căn cứ vào gia phả nhà người chết, chẳng hạn như bà Hoàng Thị Sìn để biết bà muốn về mừng trời phải "*tằng chỗ*" ông bà tổ từ Bình Gia, Lạng Sơn về chứng kiến tang ma và đưa đi lên mừng trời. Nếu đón được tổ tiên, người ta mới nổi thanh la, nãi bạt, rước kiệu lên thang vào nhà.

Lễ chọn đất đào huyệt là việc của thứ nam, thầy Tào và tổ ty nguyệt hàng phường. Thầy Tào làm lễ *Au tìm mộ*, dâng hương xin được động thổ. Huyệt định theo ngày tháng năm sinh, tuổi người chết. Trong năm có các hướng kỵ chôn người chết: tháng 1, 5, 9 kỵ hướng Đông; tháng 2, 6, 10 kỵ hướng Bắc... Thầy xem hướng đại cát đại lợi rồi xin Thổ và Long thần cho động thổ bằng bài cúng "*Nộp các thô cắt say hùa*" tức "Xin nộp đất chia mã an táng người chết". Họ hỏi sự đồng ý của thần linh qua gieo tiền âm dương hoặc đổ bát gạo xuống điểm đất chọn, chờ đợi,

không thấy kiến tha đi thì thầy Tào đánh dấu làm mốc để tổ ty nguyệt đào.

2.2.2.6. Lễ mời com (*Sợi châu, ngài*), tế ngựa bên ngoài (*Plạ bưng lǎng*) và tế họ (*Tế họ*)

Những ngày đầu làm ma, mỗi ngày người chết được cúng com hai lần: trưa (*ngài*), tối (*châu*). Hiếu nam, hiếu nữ, hiếu phụ, hiếu tôn, hiếu điệt lần lượt ra mời com người quá cố. Con cháu cúi lạy ba lần dâng com, dâng nước, mời rượu, vừa mời vừa khóc lóc.

Lễ tế ngựa do thân nhân bên ngoài và đoàn thầy bên ngoài mời chủ trì. Vật phúng viếng ngoài lợn, gà, vịt, xôi, rượu... phải có 1 con ngựa giấy, 1 bộ quần áo chàm nhỏ, 1 bao rom sạch và lạt buộc. Ngựa cao 0,5m, dài 0,7 - 0,8m, giống ngựa hàng mã nhưng trang trí cầu kỳ, khung tre có dán giấy tím, đủ yên cương. Người cháu trai ngoài phải làm một con nộm: khung tre, thân bện từ rom, rồi mặc quần áo, đội nón. Con nộm không đặt ngay trên yên con ngựa khi người bên ngoài chưa tế viếng. Ngựa được xem là phương tiện cúng tiễn của bên ngoài để hồn người chết theo tổ tiên lên mừng trời. Khi các thủ tục tiết lễ bên ngoài hoàn thiện, ngựa này được mang vào nhà, đầu hướng về quan tài, nhưng chưa thẳng yên.

Về tế họ, người Nùng Phàn Slinh có họ hàng rộng, khi có tang anh em họ tộc dù xa cũng tới viếng. Trong đám ma bà Hoàng Thị Sìn có người họ hàng từ Bình Gia (Lạng Sơn) đến viếng, cả một thầy Tào làm lễ cúng minh tinh của các con gái gửi tặng bà. Lễ vật họ hàng cúng tiễn được biên ghi vào tờ sớ, thầy Tào đọc cho hồn nhận. Các thành viên trong họ theo danh xưng thầy Tào xưng

gọi, lần lượt ra trước bài vị thấp hương, rót rượu tế bái 3 lần.

2.2.2.7. Lễ siêu đàn phá ngục và tế minh tinh (*Tế xuống, phán xuống*)

Trong cuộc sống con người có lúc không toàn đức hạnh, chết đi phải chịu sự phán xử tội lỗi ở cõi âm nên cần cứu chuộc bởi lễ phá ngục. Xưa kia, lễ này mất 1 - 2 ngày, nay chỉ 3 - 5 tiếng, thực hiện ngoài trời. Thầy Tào lập bàn cúng tổ sư theo hướng quy định, cắm những cọc tre dài 0,6m thành vòng tròn, trang trí giấy xanh đỏ làm ngục giả. Trên cọc chót 4 hướng Đông, Tây, Nam, Bắc và cắm các cờ hiệu với chim giấy nhiều màu. Trong ngục có 1 bát gạo cắm hương, 1 con lợn, trưởng nam đặt bài vị người chết vào đó. Cửa ngục đặt 1 con vịt, 1 con gà sống đối xứng. Đoàn thầy cùng âm binh đi phá ngục giải thoát hồn người chết trong tiếng thanh la náo bạt. Thầy Tào chủ nhảy và gào hét với các động tác múa tả xung hữu đột để phá ngục giải cứu linh hồn qua mười cửa tử thần do Thập điện Diêm Vương phán quan⁵ và các loại ma quỷ cai trị. Sau cứu, thầy cho hồn người chết cuội vịt qua sông mê, cử âm binh bảo vệ, qua sông gặp con gà chờ, gáy báo hiệu ông bà tổ đưa đường cho hồn đi lên mừng trời.

Tế minh tinh là lễ của các con gái tặng, được con rể đại diện hiến tế nên gọi là đoàn thầy khách. Cây minh tinh có ba tầng, đỉnh trang trí một hình chim biểu tượng thế giới mừng trời. Đoàn thầy khách phải xin phép lên nhà tại cầu thang ra ma, họ nổi chiêng và thanh la, nhảy múa, phát cờ hát bài *Tào chữ tốp sli*. Đoàn thầy chủ nhà nổi

thanh la, chiêng đáp lại. Sau 3 lần thầy khách và thầy chủ nhà nhảy múa tiến lên lùi xuống ở cầu thang ra ma thì được lên nhà. Thầy khách đã lên nhà nhưng phải múa đuổi thầy Tào chủ giữa tiếng chiêng và thanh la, rồi thầy Tào chủ dẫn thầy khách vào bàn thờ thánh buộc ông này làm lễ hiến cúng cây minh tinh. Việc đoàn thầy khách, các con gái qua nhiều lễ nghi để được tế minh tinh là vì con gái đã đi lấy chồng, khi trở về phải xin phép ma nhà. Vì thế, tế cây minh tinh tiến hành theo trình tự: ngoài trời - lên thang ma - vào nhà, bất kể trời mưa. Lễ tế dùng những bài *Sli* khóc công ơn cha mẹ do hai đoàn thầy diễn xướng, các cô con gái khóc theo. Trước kia họ hát *Sli* một đêm, nay chỉ hát trích đoạn bài *Dầu tào và than sly* (Cúng minh tinh) từ 1 đến 2 tiếng.

2.2.2.8. Lễ trao nhà, của cải (*Tế lục páo, tế ly tàng*), đập đèn (*Lạc hỷ*), và tổng quái dọn đường (*Cải cau*)

Vật tế lễ trao nhà và của cải gồm: 1 con lợn hơn 100kg rải một lớp mỡ trên đầu và cắm dao nhọn vào gáy, gạo, gà, vịt, rượu... Thầy Tào làm thủ tục mời hồn người chết nhận tặng vật, gọi tên con cháu theo thứ tự tiền dâng tặng bằng cách chỉ điểm vào số đã ghi của từng người, sau đó thầy đóng một dấu triện đỏ xác nhận đã gửi vật lễ. Họ thúc chiêng, trống báo Ngọc Hoàng những đồ lễ dâng tặng cho người quá cố. Cuối lễ, thầy Tào đi quanh quan tài 3 vòng, khấn mời hồn người chết một mâm cơm cuối cùng trước khi ra ma.

Lễ đập đèn diễn ra sáng sớm ngày đưa ma. Mâm lễ tế có gà 1 con, 1 miếng thịt lợn, xôi, rượu... đặt ngay trước cầu thang ra ma. Trưởng nam cùng con rể cầm một cái nĩa nhỏ, trên có các văn số ghi những vật tế và những con thú giấy. Họ quỳ tế bái trước

⁵ Tàn Quảng Vương, Sở Giang Vương, Tống Đế Vương, Ngũ Quan Vương, Diêm La Vương, Biện Thành Vương, Thái Sơn Vương, Bình Chính Vương, Đô Thị Vương, Chuyền Luân Vương.

quan tài, rồi đặt những thứ đó trên mặt ván thiên. Thầy Tào chủ đi quanh quan tài dập vãi ngọn đèn và làm lễ tống quái, sau đó đến dập nốt các ngọn đèn hồn (trừ ngọn đèn trên đầu người chết và đèn chủ tang). Mỗi lần dập một ngọn đèn thầy làm phép uống một ngụm nước và phun ra nơi ngọn đèn được dập. Khi lễ dập đèn kết thúc, người hàng phường cũng tháo bỏ nhà táng.

Khi tắt các đèn, thầy Tào cho đệ tử sắp bàn và vật tế để làm lễ tống quái dọn đường. Mâm lễ có 1 miếng thịt, 1 đĩa xôi, 3 chén rượu rót trước bài vị. Người chết là phụ nữ thì chuẩn bị một con gà mái sống, đàn ông là gà trống. Khi hành lễ, thầy Tào rút dao đeo bên mình vừa múa vừa đọc văn cúng và chặt dao lên thanh xà trên cầu thang ra ma. Sau khi chặt chín nhất dao biểu trưng khai thông đường đi, ông cầm lòng gà⁶ ném ra cửa, đập đổ mâm lễ tế. Từ đây, đường đi cho người chết đã mở, linh hồn từ giờ xuất đi không được về nữa.

2.2.2.9. Lễ đưa ma (*Oọc tàng*)

Đưa ma khá đặc biệt, được bắt đầu tế với một dải lụa trắng một đầu đặt ở chân quan tài kéo qua bàn thờ thánh của thầy Tào ra đến cầu thang ma. Thầy Tào buộc bài vị cùng tấu sớ lễ vật dâng tặng người chết bằng vải, rồi buộc ở lưng. Trưởng nam và đàn ông toàn gia tộc theo dải lụa quỳ tiến qua nạp lễ tế bàn thờ thánh. Đoàn người quỳ chậm chậm theo thầy Tào tiến về phía trước, hết cầu thang ma thì đứng dậy. Khi đoàn người quỳ tiến về cầu thang ma cũng là lúc cháu trai bên nội hoá ngựa cho người quá cố, coi như hồn người chết đã xuất, đầu ngựa quay về hướng Bắc. Hồn người chết tùy giới, như

bà Hoàng Thị Sin khi nhận con ngựa để đi lên trời thì con nộm cuỡi ngựa đó mặc quần áo nữ. Họ đốt nó cùng số cây vàng mà các con cháu gái cúng tế. Theo đó, hồn từ: Ba Đình xóm, Tân Long xã... đi đến nơi “Tổ địa đa lai”: Pò Xồm xóm, Bình Gia xã, Văn Quan châu, Trường Khánh phủ, Lạng Sơn tỉnh, sau đó sang Trung Quốc về đến: Hà Ham thôn, Thái Bình phủ, Quảng Tây tỉnh, rồi lên mừng trời. Khi lửa hoá ngựa và các cây vàng bùng cháy, các cô con gái khóc than cảm được cháy từ từ bước xuống cầu thang ra ma soi đường cho hồn người quá cố đến tận huyệt. Thầy Tào xin lễ khởi xuất thi thể, gỡ con gà buộc ở ván thiên ra gánh nó trên vai bằng một cái liềm. Những người khiêng quan, tháo dờ chân đỡ quan tài bằng tre làm theo hiệu lệnh chuyển dờ thi thể người chết. Khi xuất quan có nghi lễ lót đường (*sát slang*), các con trai nằm trên những phiến lá cọ, lá chuối được trải rom lót đường cho người ta chuyển áo quan đi qua. Người hàng phường đặt áo quan lên cang, sau khi cố định thì chụp nhà táng, rồi xoay tròn 3 vòng, để chân của người chết hướng về phía huyệt. Hai cháu trai đưa đường cho đoàn người tiến ra đến huyệt.

2.2.2.10. Tế thổ thần (*Tế san hà tỳ lý*) và hạ huyệt

Để xin phép thổ thần, thầy chủ và trưởng nam xuống lễ dưới huyệt, sau đó người hàng phường dùng 2 dây tre bện hạ quan tài xuống. Họ tế tiết vĩnh biệt người quá cố, con cháu khóc lóc, từng người bỏ một nắm đất xuống huyệt. Người hàng phường đắp cho người chết nắm mộ đẹp, rồi chụp nhà táng, chuyển cây minh tinh, vàng mã lên đó để đốt. Những đồ của người chết nếu để dùng cần hơ qua lửa, ngược lại thì đốt đi. Con cháu kính cẩn bái biệt người

⁶ Con gà ấy tang chủ biểu thầy về nuôi, thầy phải nuôi nó đủ 40 ngày. Theo đó, nghi lễ tống quái mới hoàn thành, người chết đã lên thiên đường.

chết, những người không thuộc gia quyến thì tháo khăn tang hơ lên lửa, người tang gia phải đeo khăn tang cho đến lễ cơi tang. Mọi người trở về nhà tang chủ, được thầy Tào làm lễ hồi phúc lộc của tổ tiên. Cây đèn phúc lộc giao cho dâu trưởng đặt thờ trên bàn thờ người quá cố. Bàn thờ này hết 3 năm mới được sát nhập vào bàn thờ tổ tiên. Người ta tổ chức bữa ăn cộng cảm sau khi hàng phùng hợp kiểm điểm công việc đám hiếu. Nhiệm vụ của thầy Tào đến đây cơ bản hoàn thành, khi mãn tang, tang chủ sẽ mời thầy về trụ trì làm lễ.

2.2.3. Nghi lễ sau chôn

Lễ dựng lều (Phục thổ): Sau 3 ngày chôn, người ta làm một lều che mộ người chết. Con cháu dùng các cây tre khiêng quan tài, cỏ gianh, lá cọ làm lều. Lều này không phải nhà người chết, giản đơn là che mưa nắng, chống sụt lún áo quan, tránh trâu bò làm động mả.

Lễ cầu yên gia súc (An làng hù hù): Nhà có tang có thể có trăm sự bói rói, ma ác, linh hồn vất vưởng kéo đến gây hại... Trong đó, có mối nguy hại cho gia súc của gia đình, bởi thế sau tang ma phải làm lễ cầu yên cho gia súc, cầu cho chúng được mạnh khỏe.

Lễ cảm ơn (An lòn): Sau chôn 10 ngày, tang chủ mời họ hàng và làm một lễ tạ ơn tổ tiên đã phù hộ, đưa hồn người chết về mừng trời, cảm ơn họ hàng giúp đỡ khi tang gia bói rói.

Lễ 40 ngày hoặc 49 ngày: Khoảng thời gian 40 đến 49 ngày sau ra ma, người Nùng ở đây tin hồn người chết có thể về thăm thể xác nên các con phải ra mộ cúng cơm trên một chiếc sán nhỏ. Sau 49 ngày, họ coi như linh hồn chính thức chuyển kiếp.

Giỗ đầu: Giỗ đầu không hạn định 1 năm như người Kinh, trong năm ấy vào ngày Rằm tháng Bảy thì làm lễ, đốt nhiều quần áo giấy cho người chết, nên gọi là “*lễ cấp quần áo*”.

Lễ mãn tang (Thuật háo): Trước kia 3 năm, nay chỉ sau 24 tháng coi việc tang cơ bản hoàn thành nên người Nùng Phần Slinh gọi đây là “*ma khô*” hay “*cúng chay*”. Sau lễ, bàn thờ người quá cố nhập với bàn thờ tổ tiên. Họ phải mời thầy Tào tụng chủ lễ tang tới làm lễ.

Tết Thanh minh: Vào dịp Thanh minh, con cháu ra thăm mộ, phát cỏ, vun đất mộ và thắp hương. Năm đầu, họ đan một tấm liếp phủ lên mộ. Hàng năm vào ngày mất, họ ra mộ thắp hương dâng lễ vật và cầu mong linh hồn người chết cùng tổ tiên phù hộ cho con cháu.

2.2.4. Các nghi lễ tang ma khác

2.2.4.1. Nghi lễ cho những người chết bất đắc kỳ tử

Tùy trường hợp mà thầy Tào làm những lễ cụ thể tại nơi người đó chết như “*giảo khoấn*” (chết đuối); “*ké bông*” (chết tai nạn)... Tang ma dạng này phải làm lễ *Qua than*⁷, để thân nhân không gặp những sự tương tự. Người chết mất xác phải làm lễ *Xọc lýa* (gọi vĩa). Số nghi lễ còn lại làm như người chết bình thường nhưng không được làm lễ rửa mặt.

⁷ Nếu là đàn ông, đào hố dài 2,8m, rộng 0,3m, sâu 3 đến 5m, dưới hố đốt than củi cháy hồng, hai đầu hố cắm hai cành bông lau thành cổng, bên cạnh hố bố trí chảo dầu sôi. Thầy Tào niệm thần chú thả cho con vịt đi qua cổng bông lau, bắt nó nhảy qua chảo dầu rồi vòng lại đi ra ngoài cổng bông lau. Con cháu cùng thầy đi theo dấu chân con vịt (người đang chửa không phải tham gia).

2.2.4.2. Nghi lễ cho những người làm thầy

Lễ tang cho thầy Tào cũng qua các bước như đám ma bình thường nhưng do họ đóng vai trò trong cộng đồng nên cách tổ chức có thêm những lễ tế dưới đây:

+ Lễ thả đèn tẩm suối (*Phạt châu phù lý*): Lễ nghi cũng tùy thứ bậc của thầy. Thầy Tào cấp thấp (3 đèn) được làm lễ tại gia; với thầy cao tay (9 đèn trở lên), con cháu phải đốt đuốc soi đường, theo thầy Tào chủ lễ ra suối, thả đèn tẩm suối cho người chết.

+ Lễ qua than: Lễ qua than được cử hành như nạn nhân chết bất đắc kỳ tử với ý nghĩa ngăn chặn không cho hồn người chết và âm binh của ông ta về phá làng bản, hại người sống.

+ Lễ “*Mã ốc lờ*”: Nghi lễ tiến hành sau tế đầu với vật lễ 1 con gà trống, 1 con ngựa giấy do các con trai tặng thầy Tào quá cố để ông ta đi thăm bản nhòm mừng lần cuối.

+ Lễ trao “*Kỳ puôn pạ*”: Sau khi siêu đàn phá ngục, người ta làm lễ này để trao lại cho thầy Tào chết cờ, ngựa, âm binh. Thầy Tào quá cố sẽ mang những hồn ma đó theo mình về bên kia để chúng không trở thành những oan hồn hại làng hại bản.

Khi ra ma, con cháu phải hiến tế 1 con gà trống và 1 con vịt còn sống nếu thầy Tào thấp cấp, thầy cao tay phải hiến 1 con dê đực. Trước khi ra ma, gia đình làm thêm lễ *Tế lý tàng* và phá mái ngói, thông từ quan tài lên trần nhà bằng vải trắng để linh hồn thầy đi lên trời.

3. Đôi nét về giá trị lịch sử, văn hóa nghệ thuật của tang ma

3.1. Giá trị lịch sử tộc người

Qua các cứ liệu về phương hướng trong đám ma Nùng ở đây, hướng Bắc và

Đông là hai hướng chính. Nếu hướng Đông là quan niệm sự tái sinh luân hồi ở tộc người thì hướng Bắc có mối liên hệ tới con đường di cư của nhóm Nùng này đến Thái Nguyên. Chứng cứ ở chỗ, hướng Bắc là quy định bắt buộc trong một loạt các lễ tế như “*Tàng chồ*”, “*Plạ bưng lăng*”, “*Oọc tàng*”... Trong tang ma, có một số con vật dẫn đường cho người chết cùng đi với tổ tiên như: vịt giúp hồn boi qua sông, gà gáy báo hiệu tổ tiên đến đón, ngựa cho hồn người chết cưỡi... và đáng lưu ý là con ngựa trước khi hóa, đầu chỉ được đặt theo hướng Bắc.

Tang ma còn cho biết cuộc hành trình mà linh hồn người Nùng Phàn Slinh từ Ba Đình xóm, Tân Long xã, Đông Hỷ huyện, Thái Nguyên tỉnh đến Pồ Xôm xóm, Bình Gia xã, Văn Quan châu, Trường Khánh phủ, Lạng Sơn tỉnh vượt biên giới đến Hà Ham thôn, Thái Bình phủ, Quảng Tây tỉnh, Trung Quốc để về mừng trời. “*Pồ Xôm*” theo tiếng Nùng, chỉ một khu đất trên đồi nhưng nghiên cứu này chưa biết được địa danh đó ở Bình Gia, do chưa khảo sát tại Lạng Sơn, cũng chưa có dịp để xác thực các thông tin về Hà Ham thôn, Thái Bình phủ, Quảng Tây tỉnh của Trung Quốc. Tuy nhiên, có thể đoán định mối liên hệ lịch sử qua biên giới của bộ phận Nùng Phàn Slinh nơi đây với các nhóm Choang ở Trung Quốc.

Khảo cứu cuốn *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)* có biên ghi về Văn Quan châu, Trường Khánh phủ, tỉnh Lạng Sơn. Về tổng, Bằng Gia (biên âm của Bình Gia) có xã Bằng Gia, Hu Khê, Tỉnh Sóc kèm ghi chú: trước đây phiêu dạt về người Nùng áo trắng, có ruộng không có người (Dương Thị The, Phạm Thị Thoa, 1981, tr. 89-90). Kết hợp gia phả hai họ có mặt sớm nhất tại xóm Ba

Đình là Lăng và Lý, thông tin về bộ phận Nùng Phàn Slinh di cư từ Quảng Tây Trung Quốc qua Bình Gia, Văn Quan, Lạng Sơn (khoảng 300 - 400 năm trước) rồi đến ở xóm Ba Đình tương đối muộn (150 năm trước).

3.2. Giá trị văn hóa nghệ thuật

Tang ma hiện nay ở xóm Ba Đình còn bảo lưu nhiều giá trị văn hóa qua các nghi lễ với 25 tiết lễ chính: 18 tiết làm ma và 7 tiết sau chôn, chưa kể những lễ cho người làm thầy và những trường hợp chết bất đắc kỳ tử. Qua tang ma, niềm tin về thế giới bên kia còn tồn tại bền vững trong tâm thức cá nhân và cộng đồng Nùng, đó là lăng kính phản chiếu vũ trụ quan 3 muông với tư duy trừu tượng cao trong một xã hội phân tầng. Đặc biệt, các giá trị văn hóa còn được bảo lưu như tang phục, các bài cúng, áng mo đưa hồn người chết, tang ca hát theo thể *Sli* và các điệu múa “*Xiêng tâng*”... Bên cạnh đó, tang ma Nùng Phàn Slinh còn phản ánh vai trò trưởng nam, sự cố kết cộng đồng chặt chẽ, tính giáo dục nhân cách cho các thế hệ.

Kết luận

Tang ma Nùng Phàn Slinh là tổng hợp các cách ứng xử mang tính nhân văn của người sống dành cho người chết, thể hiện tính cố kết cộng đồng khá mạnh. Qua các nghi lễ, tang ma còn ẩn chứa thông tin về lịch sử tộc người, vũ trụ luận, nhân sinh quan của người Nùng Phàn Slinh, phản ánh tư duy sáng tạo và trừu tượng cao với những ý nguyện đầy tính biểu tượng.

Tang ma Nùng Phàn Slinh hiện nay vẫn ẩn chứa nhiều thông tin cần tiếp tục nghiên cứu với các công trình chuyên luận có tính đối sánh liên khu vực và xuyên biên giới. Có như vậy, thành quả nghiên cứu mới

không khuôn hẹp trong nghi lễ và giá trị của chúng.

Việc đóng góp cho hiểu biết từ góc độ Dân tộc học về tang ma của một đối tượng có tầm phổ biến văn hóa ở vùng Đông Bắc như người Nùng còn có giá trị xây dựng nếp sống mới ở nông thôn trong việc tang. Bởi vì nhận diện rõ nét các giá trị lịch sử, văn hóa nghệ thuật của tang ma là bước tiến để hiểu đời sống tôn giáo tín ngưỡng, văn hóa tinh thần tộc người giúp các cấp các ngành có những thế ứng xử linh hoạt, phù hợp.

Tài liệu tham khảo

1. Bé Viết Đăng, Không Diễm, Phạm Quang Hoan, Nguyễn Văn Huy, Nguyễn Anh Ngọc (1992), *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Sách tài trợ bởi Toyota Foundation, Hà Nội.
2. Le'opold Cadie're (1997), *Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
3. Hoàng Nam (1992), *Dân tộc Nùng ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Ngân (2002), *Nghi lễ tang ma người Nùng huyện Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn*, Luận văn Thạc sĩ Văn hoá học, Đại học Văn hoá Hà Nội.
5. Dương Thị The, Phạm Thị Thoa (1981), *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Kim Tường (1999), *Vai trò của thầy Tào trong đời sống người Nùng Phàn Slinh ở Hải Yến, Cao Lộc, Lạng Sơn*, Luận văn cử nhân chuyên ngành Dân tộc học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội.